

Số: 818 /ĐHV-KHHTQT

Nghệ An, ngày 28 tháng 6 năm 2024

V/v đề xuất nhiệm vụ KH&CN
cấp Cơ sở năm 2024 về cải tiến CTĐT

Kính gửi:

- Trưởng các đơn vị;
- Chủ nhiệm các ngành đào tạo;
- Giảng viên phụ trách học phần.

Căn cứ Kết luận của Hiệu trưởng tại Thông báo số 84/TB-ĐHV ngày 18/6/2024 về việc cải tiến chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học hệ chính quy, vừa làm vừa học và đào tạo từ xa từ khóa 62, Nhà trường yêu cầu Trưởng các đơn vị đào tạo triển khai xây dựng nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp Cơ sở (cấp trường) năm 2024, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu, yêu cầu

- Thực hiện theo các kế hoạch triển khai áp dụng Bộ chuẩn bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo phiên bản 1.0 (viết tắt là VU.PQA.1.0) cho trình độ đại học đối với các hệ đào tạo chính quy, vừa làm vừa học và đào tạo từ xa, Nhà trường triển khai cải tiến CTĐT trình độ đại học, áp dụng từ khóa đào tạo 62.

- Việc cải tiến CTĐT được thực hiện ở cả cấp CTĐT và cấp học phần, có thể được triển khai dưới hình thức nhiệm vụ KH&CN cấp Trường hoặc nghiệm thu sản phẩm chi trả theo Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Nhà trường.

2. Đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp Trường năm 2024

Dựa trên yêu cầu về cải tiến cấp CTĐT và cấp học phần, Trưởng các đơn vị đào tạo và giảng viên chủ trì ngành (theo Quyết định số 1026/QĐ-ĐHV ngày 03/5/2024) triển khai việc xây dựng nhiệm vụ KH&CN năm 2024, đồng thời lập danh mục đề xuất đề tài KH&CN cấp trường trọng điểm và đề tài KH&CN cấp trường (Mẫu 01) về phát triển CTĐT.

2.1. Đối với đề tài KH&CN cấp trường trọng điểm

- Đề tài KH&CN cấp trường trọng điểm chỉ áp dụng đối với các nhiệm vụ cải tiến cấp CTĐT.

- Tên đề tài KH&CN cấp trường trọng điểm được viết theo mẫu: “**Cải tiến chương trình đào tạo ngành**”.

- Sản phẩm, yêu cầu về sản phẩm, kinh phí và thời gian nghiệm thu sản phẩm đề tài KH&CN cấp trường trọng điểm như sau:

TT	Tên sản phẩm	Mẫu	Yêu cầu cụ thể	Mức kinh phí	Thời gian nghiệm thu
1	<i>Sản phẩm 1:</i> Chuẩn đầu ra (CĐR) CTĐT	Mẫu 04	Rà soát, cập nhật động từ mô tả cấp độ, mức năng lực và điểm năng lực của các PLO theo hướng dẫn tại Mục 1.2.1 (VU.PQA.1.0, trang 13).	2.500.000 đ	Trước 10/8/2024
2	<i>Sản phẩm 2:</i> Ma trận phân nhiệm PLO cho các học phần	Mẫu 05	Rà soát, cập nhật điểm năng lực, trọng số của PLO phân nhiệm cho mỗi học phần theo Bước 1 và Bảng 2.2 (VU.PQA.1.0, trang 34). <i>Lưu ý: Mỗi PLO được phân nhiệm tối thiểu cho 3 học phần, ưu tiên sắp xếp liên tục ở các kỳ học khác nhau; riêng đối với các học phần dạy học dự án, mỗi học phần phải đảm nhận đầy đủ các PLO về C-D-I-O với mức năng lực tối thiểu là mức 3 (điểm năng lực tối thiểu 2.5).</i>	1.500.000 đ	Trước 10/8/2024
3	<i>Sản phẩm 3:</i> Bảng phân nhiệm PLO/CLO mô tả chi tiết các CĐR học phần theo các CĐR CTĐT	Mẫu 06	Xây dựng mới Bảng mô tả thể hiện được sự phù hợp giữa nội hàm và mức năng lực của (các) CLO với nội hàm và mức năng lực của PLO phân nhiệm cho học phần đó và đáp ứng các yêu cầu tại Mục 2.2.4 (VU.PQA.1.0, trang 30)	10.000.000 đ	Trước 30/8/2024
4	<i>Sản phẩm 4:</i> Ma trận phân nhiệm PLO/CLO phù hợp với Bộ chuẩn VU.PQA.1.0	Mẫu 07	Xây dựng mới Ma trận phân nhiệm PLO/CLO theo các yêu cầu tại Mục 2.2.4, Tiêu chí 2.2 (VU.PQA.1.0, trang 30); Tiêu chí 2.4 (VU.PQA.1.0, trang 40-41).	2.000.000 đ	Trước 30/8/2024
5	<i>Sản phẩm 5:</i> Sơ đồ cấu trúc và trình tự dạy học	Mẫu 08	Đáp ứng các yêu cầu tại Mục 2.5.2 (VU.PQA.1.0, trang 42-45) và Khung	1.000.000 đ	Trước 30/9/2024

TT	Tên sản phẩm	Mẫu	Yêu cầu cụ thể	Mức kinh phí	Thời gian nghiệm thu
			Chương trình dạy học hiện hành.		
6	Sản phẩm 6: Bản mô tả CTĐT	Mẫu 09	Đáp ứng các yêu cầu tại Tiêu chí 2.1 (VU.PQA.1.0, trang 25-28).	5.000.000 đ	Trước 30/6/2025

- Chủ nhiệm đề tài: là giảng viên chủ trì ngành. Trường hợp có lý do bất khả kháng, Trường đơn vị đào tạo có thể đề xuất người phù hợp thay thế để Hiệu trưởng xem xét, quyết định (Mẫu 02).

- Các sản phẩm của đề tài trọng điểm cấp trường về cải tiến CTĐT năm 2024 được áp dụng chung cho cả ba hệ đào tạo: chính quy, từ xa và vừa làm vừa học.

2.2. Đối với đề tài KH&CN cấp trường

- Đề tài KH&CN cấp trường áp dụng đối với các nhiệm vụ cải tiến đề cương học phần. Mỗi đề tài tương ứng với một học phần hoặc nhóm học phần. Việc thống nhất nhóm các học phần để thực hiện đề tài do Trường đơn vị đào tạo quyết định trên cơ sở đề nghị của giảng viên chủ trì ngành.

- Trong trường hợp đề tài được triển khai cho nhóm học phần thì ưu tiên ghép các học phần trong cùng một học kỳ và thuộc cùng một khóa đào tạo.

- Tên đề tài KH&CN cấp trường được viết theo mẫu: “**Cải tiến đề cương học phần/nhóm học phần..., ngành ...**”

- Sản phẩm, yêu cầu về sản phẩm, kinh phí và thời gian nghiệm thu sản phẩm đề tài KH&CN cấp trường như sau:

TT	Tên sản phẩm	Mẫu	Yêu cầu cụ thể	Mức kinh phí	Thời gian nghiệm thu
1	Sản phẩm 1: Đề cương học phần được rà soát, chỉnh sửa phù hợp với Bộ chuẩn VU.PQA.1.0	Mẫu 10	Đề cương học phần được thiết kế theo Bộ chuẩn VU.PQA.1.0 (trang 192-204), trong đó tập trung các nội dung chính: 1. CDR học phần; 2. Đánh giá kết quả học tập: Các bài đánh giá; Ma trận bài thi (Trắc nghiệm/Tự luận/Vấn đáp); Phiếu đánh giá CDR học phần về kỹ năng, thái độ. 3. Kế hoạch dạy học: thực hiện theo mô hình CFB (đối với hệ chính quy và VLVH) và CFO (đối với hệ từ xa).	250.000đ/ tín chỉ	- Trước 31/8/2024 đối với các học phần dạy học học kỳ 1, 2024-2025; - Trước 31/12/2024 đối với các học phần dạy học học kỳ 2, 2024-2025; - Trước 30/6/2025 đối với các học phần còn lại.

TT	Tên sản phẩm	Mẫu	Yêu cầu cụ thể	Mức kinh phí	Thời gian nghiệm thu
			<p>4. Học liệu: bổ sung, cập nhật học liệu, tài liệu tham khảo với yêu cầu:</p> <p>1. Có ít nhất 01 tài liệu tham khảo chính là sách hoặc giáo trình bằng tiếng Việt và 01 tài liệu tham khảo chính bằng tiếng Anh xuất bản hoặc tái bản sau năm 2010.</p> <p>2. Có từ 3-5 tài liệu tham khảo khác là sách tham khảo, chuyên khảo có nội dung phù hợp với nội dung giảng dạy của học phần.</p>		
2	Sản phẩm 2: Ngân hàng đề thi	Mẫu 11	Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung ngân hàng đề thi phù hợp với đánh giá kết quả học tập theo CDR học phần (<i>Sản phẩm 1</i>)	Áp dụng theo điều 33, Quy chế chi tiêu nội bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Trước 31/10/2024 đối với các học phần dạy học học kỳ 1, 2024-2025; - Trước 31/03/2025 đối với các học phần dạy học học kỳ 2, 2024-2025; - Trước 30/6/2025 đối với các học phần còn lại.
3	Sản phẩm 3: Bài giảng E-learning cấp độ 2 Bắt buộc: các học phần chung toàn trường (về lý luận chính trị, ngoại ngữ, ứng dụng ICT); các học phần của chương trình đào tạo từ xa ngành Luật và Ngôn ngữ Anh		<p>Bài giảng e-learning theo mô hình CFB/CFO với các yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp Bộ chuẩn VU.PQA.1.0 (trang 13-17, 169-175) - Theo các tiêu chuẩn được quy định trong Hướng dẫn tạm thời về Quy trình sản xuất bài giảng, học liệu E-learning 9 (<i>Hướng dẫn số 09/HD-ĐHV ngày 14/9/2021</i>) - Theo QĐ 2038 ngày 10/08/2022 của Hiệu 	4.175.000đ/1 tín chỉ (<i>chi cho giảng viên biên soạn, phần kinh phí nghiệm thu bài giảng và công kỹ thuật sẽ do Viện nghiên cứu và đào tạo trực tuyến lập kế hoạch riêng</i>)	Trước 31/8/2025

TT	Tên sản phẩm	Mẫu	Yêu cầu cụ thể	Mức kinh phí	Thời gian nghiệm thu
	Khuyến khích: các học phần còn lại		trường Trường Đại học Vinh		

- Đối với các ngành có các học phần được triển khai dạy học cho cả hệ chính quy, vừa làm vừa học và từ xa thì việc rà soát, điều chỉnh đề cương, rà soát/bổ sung ngân hàng đề thi được thực hiện đồng thời cho tất cả các hệ; 3 loại đề cương chi tiết tương ứng với 3 hệ đào tạo khi đó sẽ giống nhau về chuẩn đầu ra học phần nhưng hình thức dạy học và kiểm tra đánh giá được thiết kế riêng, phù hợp với từng loại hình đào tạo.

- Chủ nhiệm đề tài: Giảng viên được phân công phụ trách học phần chịu trách nhiệm chủ trì việc cải tiến và là chủ nhiệm của đề tài. Trên cơ sở đề xuất của chủ nhiệm ngành, Trưởng đơn vị quyết định lựa chọn giảng viên làm chủ nhiệm đề tài cho nhóm các học phần, các giảng viên còn lại tham gia giảng dạy các học phần trong đề tài là thành viên thực hiện đề tài.

3. Nghiệm thu sản phẩm và sử dụng

Phòng KH&HTQT phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức nghiệm thu, đưa vào sử dụng ngay sau khi sản phẩm được đánh giá Đạt. Nhà trường phân công như sau:


TT	Tên sản phẩm	Đơn vị chủ trì nghiệm thu
I.	Đề tài cấp trường trọng điểm	
1.	<i>Sản phẩm 1:</i> Chuẩn đầu ra (CĐR) CTĐT	Phòng Đào tạo (P.ĐT)
2.	<i>Sản phẩm 2:</i> Ma trận phân nhiệm PLO cho các học phần	P.ĐT
3.	<i>Sản phẩm 3:</i> Bảng phân nhiệm PLO/CLO mô tả chi tiết các CĐR học phần theo các CĐR CTĐT	P.ĐT
4.	<i>Sản phẩm 4:</i> Ma trận phân nhiệm PLO/CLO	P.ĐT
5.	<i>Sản phẩm 5:</i> Sơ đồ cấu trúc và trình tự dạy học	P.ĐT
6.	<i>Sản phẩm 6:</i> Bản mô tả CTĐT	P.ĐT
II	Đề tài cấp trường	
1.	<i>Sản phẩm 1:</i> Đề cương học phần	P.ĐT, TT. GDTX
2.	<i>Sản phẩm 2:</i> Ngân hàng đề thi	TT. ĐBCL (nghiệm thu nội bộ)
3.	<i>Sản phẩm 3:</i> Bài giảng E-learning cấp độ 2	Viện NC&ĐTTT

4. Đề xuất thành viên tham gia hội đồng tư vấn xét chọn nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở năm 2024

Tương ứng với mỗi loại hình đề tài cấp trường, mỗi đơn vị đề xuất 05 thành viên thuộc đơn vị tham gia Hội đồng tư vấn xét chọn nhiệm vụ KH&CN cấp trường năm 2024 (Mẫu 03).

Trên đây là nội dung công văn về việc triển khai xây dựng nhiệm vụ KH&CN cấp Cơ sở năm 2024. Nhận được công văn này, Nhà trường đề nghị các Trưởng đơn vị đào tạo khẩn trương triển khai lập danh mục theo các Mẫu 01, 02, 03 (sản phẩm theo các mẫu khác sẽ nộp cùng hồ sơ đề tài), bản cứng và bản mềm gửi về Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế qua người phụ trách: ThS. Phạm Thị Quỳnh Nga (số điện thoại: 0916562328; email: ptquynhnga@gmail.com) **trước 17 giờ 00, ngày 10 tháng 7 năm 2024**. Trong quá trình triển khai, nếu có vướng mắc hoặc cần thêm thông tin, đề nghị liên hệ Phòng Khoa học và hợp tác quốc tế (trực tiếp ThS. Phạm Thị Quỳnh Nga) để được giải đáp, hỗ trợ.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Công bố trên website, iOffice;
- Các đơn vị trong trường (t/h);
- Lưu: HCTH, KH&HTQT. 

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Nguyễn Huy Bằng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ NĂM 2024
ĐƠN VỊ:

STT.	Tên đề tài	Mục tiêu	Nội dung nghiên cứu	Dự kiến kết quả và sản phẩm	Kinh phí dự kiến tối đa (triệu đồng) ¹	Chủ nhiệm đề tài
I.	ĐỀ TÀI CẤP TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM					
1						
2						
...						
II.	ĐỀ TÀI CẤP TRƯỜNG					
1						
2						
...						

(Danh sách gồm ... đề tài)

Nghệ An, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP DANH MỤC

(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Áp dụng Mức 1 về Mức kinh phí cho đề tài cấp KH&CN cấp cơ sở tại khoản 4 Điều 50, Quy chế chi tiêu nội bộ Trường Đại học Vinh (Ban hành kèm theo Quyết định số 737/QĐ-ĐHV ngày 01/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh).

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỀ XUẤT THAY THẾ CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ NĂM 2024
ĐƠN VỊ:

STT.	Tên đề tài	Ngành/(nhóm)học phần	Cá nhân chủ nhiệm ngành/ phụ trách học phần	Cá nhân được đề xuất chủ nhiệm đề tài	Ghi chú
I.	ĐỀ TÀI CẤP TRƯỜNG TRỌNG ĐIỂM				
1					
2					
...					
II.	ĐỀ TÀI CẤP TRƯỜNG				
1					
2					
...					

(Danh sách gồm ... đề tài)

Nghệ An, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH ĐỀ XUẤT THÀNH VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG
TƯ VẤN XÉT CHỌN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ NĂM 2024
ĐƠN VỊ:**

STT	Họ và tên (Ghi đầy đủ thông tin học hàm, học vị)	Chức vụ	Ngành	Số điện thoại	Email liên hệ
I.	ĐỀ TÀI CẤP TRƯỞNG TRONG ĐIỂM				
1					
2					
3					
4					
5					
II.	ĐỀ TÀI CẤP TRƯỞNG				
1					
2					
3					
4					
5					

(Danh sách gồm thành viên)

Nghệ An, ngày tháng năm 2024

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH.....

Ký hiệu chuẩn đầu ra	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO) Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ngành....., người học có khả năng:	Điểm NL cần đạt {Mức NL}
1.	Kiến thức và lập luận ngành	
1.1.		
1.1.1.		1,5 {K2}
1.1.2.		2,5 {K3}
1.1.3.		2,5 {K3}
1.2.		
1.2.1.		2,5 {K3}
1.2.2.		2,5 {K3}
1.2.3.		2,5 {K3}
1.3.		
1.3.1.		2,5 {K3}
1.3.2.		2,5 {K3}
2.	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp	
2.1.		
2.1.1.		
2.1.2.		
2.1.3.		
2.1.4.		
2.1.5.		
2.2.		
2.2.1.		
2.2.2.		
3.	Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp	
3.1.		
3.1.1.		

3.1.2.		
3.2.		
3.2.1.		
3.2.2.		
4.	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành	
4.1.		
4.1.1.		2,5 {S3}
4.1.2.		2,5 {S3}
4.2.		
4.2.1.		2,5 {S3}
4.2.2.		2,5 {S3}
4.2.3.		2,5 {S3}
4.2.4.		2,5 {S3}

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI



Tham khảo mẫu ma trận phân nhiệm PLO cho các học phần của Ngành Chính trị học dưới đây:

Loại hình HP	Mã học phần	PLO	PLO																	
			1.1.1	1.1.2	1.2.1	1.2.2	2.1.1	2.1.2	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	4.1.1	4.1.2	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.2.4
			ĐNL	2.5	2.5	2.5	3.5	3.5	3.5	3.5	2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
		NC	50%	1000%	0%	10%	0%	0%	660%	650%	360%	0%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
			0.2	34.6	0.0	0.4	0.0	0.0	23.1	16.3	12.3	0.0	0.0	0.8	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
Bắt buộc 1	M.PH1200	MNL	2.5	2.5					3.5		2.5									
		Trọng số	10%	10%						10%		10%								
Bắt buộc 2	M.ENG100	MNL	2.5	2.5							2.5			2.5						
		Trọng số	20%	10%								10%			30%					
Bắt buộc 3	M.POL101	MNL	2.5	2.5					3.5		2.5									
		Trọng số	20%	10%						10%		10%								
Bắt buộc 4	M.POL102	MNL		2.50		3.50				2.50	3.50									
		Trọng số		10%		10%				10%	10%									
Bắt buộc 5	M.POL103	MNL		3.5					3.5	2.5	3.5									
		Trọng số		30%					20%	20%	10%									
Bắt buộc 6	M.POL103	MNL		3.5					3.5	2.5	3.5									
		Trọng số		30%					20%	20%	10%									

Bắt buộc 7	M.POL103	MNL	3.5					3.5	2.5	3.5								
		Trọng số	30%					20%	20%	10%								
Bắt buộc 8	M.POL103	MNL	3.5					3.5	2.5	3.5								
		Trọng số	30%					20%	20%	10%								
Bắt buộc 9	M.POL103	MNL	3.5					3.5	2.5	3.5								
		Trọng số	30%					20%	20%	10%								
Bắt buộc 10	M.POL103	MNL	3.5					3.5	2.5	3.5								
		Trọng số	30%					20%	20%	10%								
Bắt buộc 11	M.POL103	MNL	3.5					3.5	2.5	3.5								
		Trọng số	30%					20%	20%	10%								
Bắt buộc 12	M.POL103	MNL	3.5					3.5	2.5	3.5								
		Trọng số	30%					20%	20%	10%								
Bắt buộc 13	M.POL103	MNL	3.5					3.5	2.5	3.5								
		Trọng số	30%					20%	20%	10%								
Bắt buộc 14	M.POL103	MNL	3.5					3.5	2.5	3.5								
		Trọng số	30%					20%	20%	10%								

Bắt buộc 15	M.POL103	MNL	3.5					3.5	2.5	3.5								
		Trọng số	30%					20%	20%	10%								
Bắt buộc 16	M.POL103	MNL	3.5					3.5	2.5	3.5								
		Trọng số	30%					20%	20%	10%								
Bắt buộc 17	M.POL103	MNL	3.5					3.5	2.5	3.5								
		Trọng số	30%					20%	20%	10%								
Bắt buộc 18	M.POL103	MNL	3.5					3.5	2.5	3.5								
		Trọng số	30%					20%	20%	10%								
Bắt buộc 19	M.POL103	MNL	3.5					3.5	2.5	3.5								
		Trọng số	30%					20%	20%	10%								
Bắt buộc 20	M.POL103	MNL	3.5					3.5	2.5	3.5								
		Trọng số	30%					20%	20%	10%								
Bắt buộc 21	M.POL103	MNL	3.5					3.5	2.5	3.5								
		Trọng số	30%					20%	20%	10%								
Bắt buộc 22	M.POL103	MNL	3.5					3.5	2.5	3.5								
		Trọng số	30%					20%	20%	10%								

Bắt buộc 23	M.POL103	MNL	3.5					3.5	2.5	3.5									
		Trọng số	30%					20%	20%	10%									
Bắt buộc 24	M.POL103	MNL	3.5					3.5	2.5	3.5									
		Trọng số	30%					20%	20%	10%									
Bắt buộc 25	M.POL103	MNL	3.5					3.5	2.5	3.5									
		Trọng số	30%					20%	20%	10%									
Bắt buộc 26	M.POL103	MNL	3.5					3.5	2.5	3.5									
		Trọng số	30%					20%	20%	10%									
Bắt buộc 27	M.POL103	MNL	3.5					3.5	2.5	3.5									
		Trọng số	30%					20%	20%	10%									
Bắt buộc 28	M.POL103	MNL	3.5					3.5	2.5	3.5									
		Trọng số	30%					20%	20%	10%									
Bắt buộc 29	M.POL103	MNL	3.5					3.5	2.5	3.5									
		Trọng số	30%					20%	20%	10%									
Bắt buộc 30	M.POL103	MNL	3.5					3.5	2.5	3.5									
		Trọng số	30%					20%	20%	10%									

Bắt buộc 31	M.POL103	MNL		3.5					3.5	2.5	3.5									
		Trọng số		30%						20%	20%	10%								
Bắt buộc 32	M.POL103	MNL		3.5					3.5	2.5	3.5									
		Trọng số		30%						20%	20%	10%								
Bắt buộc 33	M.POL103	MNL		3.5					3.5	2.5	3.5									
		Trọng số		30%						20%	20%	10%								
Bắt buộc 34	M.POL103	MNL		3.5					3.5	2.5	3.5									
		Trọng số		30%						20%	20%	10%								
Bắt buộc 35	M.POL103	MNL		3.5					3.5	2.5	3.5									
		Trọng số		30%						20%	20%	10%								
Bắt buộc 36	M.POL103	MNL		3.5					3.5	2.5	3.5									
		Trọng số		30%						20%	20%	10%								
NC	Điểm NLTB		1.25	34.6	0	0.35	0	0	23.1	16.25	12.3	0	0	0.75	0	0	0	0	0	0
	TỔNG %		50%	1000%	0%	10%	0%	0%	660%	650%	360%	0%	0%	30%	0%	0%	0%	0%	0%	0%

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**PHÂN NHIỆM CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHO CÁC CHUẨN ĐẦU RA
HỌC PHẦN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, NGÀNH.....**

TT	Tên học HP, mã HP	CHUẨN ĐẦU RA CTĐT (PLO)	CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (CLO)	Điểm năng lực CLO
I	CÁC HỌC PHẦN CHUNG			
1	Triết học Mác – Lênin POL11001	“1.x.x. Giải thích được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị”	1.x.x.1. Giải thích được những tri thức cơ bản về triết học Mác – Lênin	1,5
		“2.x.x. Thể hiện tư duy hệ thống, tư duy logic và tư duy phản biện về các vấn đề chính trị - xã hội”	2.x.x.1. Vận dụng những nguyên tắc phương pháp luận của CNDVBC và CNDVLS vào nhận thức và thực tiễn; phê phán, đấu tranh chống luận điệu sai trái của chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa duy vật trước C. Mác.	2,5
		“2.x.x. Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp.”	2.x.x.1. Thể hiện bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, đạo đức trong sáng.	2,5
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin POL11002	“1.x.x. Giải thích được kiến thức cơ bản về lý luận”	1.x.x.1. Giải thích được kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin.	1,5
		“2.x.x. Thể hiện tư duy hệ thống, tư duy logic và tư duy phản biện về các vấn đề chính trị - xã hội”	2.x.x.1. Phản biện các quan điểm, tư tưởng về kinh tế chính trị.	2,5
		“2.x.x. Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp.”	2.x.x.1. Thể hiện phẩm chất chính trị, tin tưởng vào sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.	2,5
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học POL11003	“1.x.x. Giải thích được kiến thức cơ bản về lý luận”	1.x.x.1. Giải thích được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội.	1,5
		“2.x.x. Thể hiện tư duy hệ thống, tư duy logic và tư duy phản biện về các vấn đề chính trị - xã hội”	2.x.x.1. Phê phán, đấu tranh chống luận điệu sai trái về CNXH và về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam.	2,5
		“2.x.x. Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp.”	2.x.x.1. Thể hiện niềm tin vào CNXH và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	2,5
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam POL11004	“1.x.x. Giải thích được kiến thức cơ bản về lý luận”	1.x.x.1. Diễn giải được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng.	1,5
		“2.x.x. Thể hiện tư duy hệ thống, tư duy logic và tư duy phản biện về các vấn đề chính trị - xã hội”	2.x.x.1. Bảo vệ đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình cách mạng.	2,5
		“2.x.x. Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp.”	2.x.x.1. Thể hiện bản lĩnh chính trị, tư tưởng vững vàng trên lập trường quan điểm đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.	2,5

TT	Tên học HP, mã HP	CHUẨN ĐẦU RA CTĐT (PLO)	CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (CLO)	Điểm năng lực CLO
5	Tu tưởng Hồ Chí Minh POL10002	“1.x.x. Giải thích được kiến thức cơ bản về lý luận”	1.x.x.1. Diễn giải được nội dung kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh và nội dung vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.	1,5
		“2.x.x. Thể hiện tư duy hệ thống, tư duy logic và tư duy phản biện về các vấn đề chính trị - xã hội”	2.x.x.1. Thể hiện được kỹ năng tư duy logic trong học tập và thảo luận nội dung học phần.	2,5
		“2.x.x. Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp.”	2.x.x.1. Thể hiện được sự chuyên cần, thái độ học tập tích cực; niềm tin chính trị, phẩm chất đạo đức theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại.	2,5
6	Tiếng Anh 1 ENG10001	“3.x.x. Kỹ năng làm việc theo nhóm”	3.x.x.1. Hình thành được kỹ năng làm việc nhóm với thái độ tích cực và hiệu quả.	2,5
		“3.y.y. Kỹ năng giao tiếp”	3.y.y.1. Hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ ở mức độ cơ bản.	2,5
		“3.z.z. Kỹ năng sử dụng tiếng anh”	3.z.z.1. Sử dụng được các kiến thức ngôn ngữ và văn hóa xã hội để giao tiếp bằng tiếng Anh cơ bản thông qua 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống hàng ngày.	2,5
7	Tiếng Anh 2 ENG10002	“3.x.x. Kỹ năng làm việc theo nhóm”	3.x.x.1. Hình thành được kỹ năng làm việc nhóm với thái độ tích cực và hiệu quả.	2,5
		“3.x.x. Kỹ năng giao tiếp”	3.y.y.1. Hình thành ý tưởng giao tiếp, xây dựng ngữ liệu giao tiếp, thực hiện hoạt động giao tiếp, cải tiến hoạt động giao tiếp bằng ngoại ngữ ở mức độ cơ bản.	2,5
		“3.x.x. Kỹ năng sử dụng tiếng anh”	3.z.z.1. Sử dụng được các kiến thức ngôn ngữ và văn hóa xã hội để giao tiếp bằng tiếng Anh cơ bản thông qua 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống hàng ngày.	2,5
II	CÁC HỌC PHẦN NHÓM NGÀNH			
8				

TT	Tên học HP, mã HP	CHUẨN ĐẦU RA CTĐT (PLO)	CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN (CLO)	Điểm năng lực CLO
III	CÁC HỌC PHẦN NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH			

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

Loại hình HP	Mã học phần	CLO	Trọng số % của CLO	PLO																									
				1.1.1	1.1.2	1.2.1	1.2.2	1.2.3	1.3.1	1.3.2	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	4.1.1	4.1.2	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.2.4		
				1.5	1.5	2.5	1.5	1.5	2.5	1.5	2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	1.5	1.5	2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	3.5	3.5	3.5	3.5	
				%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
				ĐTB	1.5	2.4	1.5	2.3	1.5	2.5	2.4	3.0	3.3	3.4	3.1	1.5	2.1	1.5	3.3	3.3	2.8	2.5	2.8	3.2	3.8	3.7	3.6	3.6	
Bắt buộc 3	MAT21003	1.1.2.1	5%		1.5																								
		1.3.2.1	5%							1.5																			
		2.1.1.1	3%								2.5																		
		2.1.2.1	3%									2.5																	
		3.1.1.1	3%														2.5												
Bắt buộc 4	POL11001	1.1.1.1	20%	1.5																									
		1.1.1.2	3%								1.5																		
		1.1.1.3	10%													1.5													
Bắt buộc 5	ENG10001	3.1.2.1	10%																3.5										
		3.2.1.1	10%																	3.5									
		3.2.2.1	20%																		3.5								
Bắt buộc 6	POL11002	1.1.1.1	20%	1.5																									
		2.1.1.1	3%								1.5																		
		2.2.1.1	10%													1.5													
Bắt buộc 7	EDU21003	1.2.1.1	50%			1.5																							
		1.2.3.1	30%							1.5																			
		2.1.4.1	10%										1.5																
		2.1.5.1	40%											1.5															
		2.2.1.1	10%													1.5													
		3.2.1.1	10%																	1.5									

Loại hình HP	Mã học phần	CLO	Trọng số % của CLO	PLO																								
				1.1.1	1.1.2	1.2.1	1.2.2	1.2.3	1.3.1	1.3.2	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	4.1.1	4.1.2	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.2.4	
				1.5	1.5	2.5	1.5	1.5	2.5	1.5	2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	1.5	1.5	2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	3.5	3.5	3.5	3.5
				%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
				ĐTB	1.5	2.4	1.5	2.3	1.5	2.5	2.4	3.0	3.3	3.4	3.1	1.5	2.1	1.5	3.3	3.3	2.8	2.5	2.8	3.2	3.8	3.7	3.6	3.6
Bất buộc 8	MAT21010	1.1.2.1	5%		1.5																							
		1.3.2.1	5%						1.5																			
		2.1.1.1	3%						2.5																			
		2.1.2.1	3%								2.5																	
		3.1.1.1	3%														2.5											
Bất buộc 9	MAT30002	1.1.2.1	5%		2.5																							
		1.3.2.1	5%						2.5																			
		2.1.1.1	3%						3.5																			
		2.1.2.1	3%								3.5																	
		3.1.1.1	3%														3.5											
Bất buộc 10	ENG10002	3.1.1.1	10%															3.5										
		3.1.2.1	10%																3.5									
		3.2.2.1	20%																	3.5								
Bất buộc 11	POL11003	1.1.1.1	20%	1.5																								
		2.1.1.1	3%						1.5																			
		2.2.1.1	10%												1.5													
Bất buộc 12	EDU20006	1.2.1.1	50%			1.5																						
		1.2.3.1	30%					1.5																				
		2.1.1.1	3%							1.5																		
		2.1.4.1	10%										1.5															
		2.1.5.1	60%											2.5														
		2.2.2.1	50%														1.5											
		3.1.1.1	3%															1.5										
		3.2.1.1	10%																	1.5								

Loại hình HP	Mã học phần	CLO	Trọng số % của CLO	PLO																								
				1.1.1	1.1.2	1.2.1	1.2.2	1.2.3	1.3.1	1.3.2	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	4.1.1	4.1.2	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.2.4	
				1.5	1.5	2.5	1.5	1.5	2.5	1.5	2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	1.5	1.5	2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	3.5	3.5	3.5	3.5
				%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
				ĐTB	1.5	2.4	1.5	2.3	1.5	2.5	2.4	3.0	3.3	3.4	3.1	1.5	2.1	1.5	3.3	3.3	2.8	2.5	2.8	3.2	3.8	3.7	3.6	3.6
Tự chọn 5	MAT31015	1.1.2.1	10%		2.5																							
		1.1.3.1	10%						2.5																			
		2.1.1.1	5%							3.5																		
		2.1.2.1	5%								3.5																	
		3.1.1.1	5%														3.5											
	MAT31029	1.1.2.1	10%		2.5																							
		1.1.3.1	10%						2.5																			
		2.1.1.1	5%							3.5																		
		2.1.2.1	5%								3.5																	
		3.1.1.1	5%														3.5											
	MAT31051	1.1.2.1	10%		2.5																							
		1.1.3.1	10%						2.5																			
		2.1.1.1	5%							3.5																		
		2.1.2.1	5%								3.5																	
		3.1.1.1	5%														3.5											
Bắt buộc 38	MAT30072	4.1.1.1	50%																		3.5							
		4.1.2.1	20%																				3.5					
		4.2.1.1	50%																					4.5				
		4.2.2.1	30%																						4.5			
		4.2.3.1	30%																							4.5		
		4.2.4.1	50%																								4.5	

Ghi chú:

- Hàng số 7 là giá trị điểm năng lực trung bình tối thiểu của các PLO

Loại hình HP	Mã học phần	CLO	Trọng số % của CLO	PLO																									
				1.1.1	1.1.2	1.2.1	1.2.2	1.2.3	1.3.1	1.3.2	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	4.1.1	4.1.2	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.2.4		
				1.5	1.5	2.5	1.5	1.5	2.5	1.5	2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	1.5	1.5	2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	3.5	3.5	3.5	3.5
				%	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
ĐTB	1.5	2.4	1.5	2.3	1.5	2.5	2.4	3.0	3.3	3.4	3.1	1.5	2.1	1.5	3.3	3.3	2.8	2.5	2.8	3.2	3.8	3.7	3.6	3.6					

- Hàng số 8 là tổng trọng số % của các CLO của các học phần đáp ứng PLO theo định hướng NC, tổng trọng số phải bằng 100%

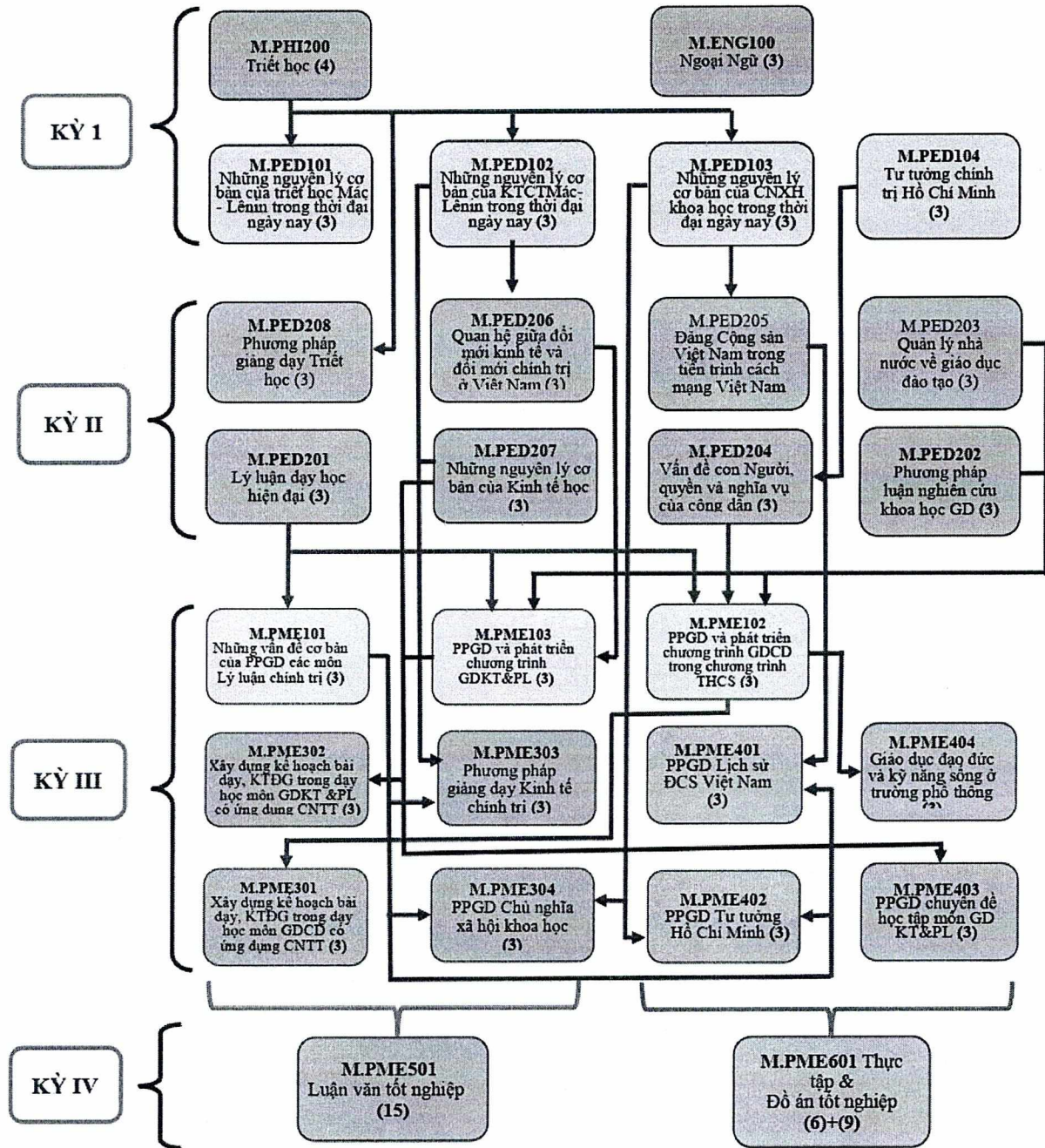
- Hàng số 9 là điểm năng lực trung bình phân nhiệm PLO cho các CLO. Giá trị này bằng tổ hợp điểm năng lực tối thiểu theo trọng số của các CLO đáp ứng PLO theo định hướng NC. Yêu cầu điểm năng lực trung bình phải lớn hơn hoặc bằng điểm năng lực trung bình tối thiểu (hàng 7) của PLO

- Trong 1 học phần tổng % các CLO đáp ứng một PLO bằng % PLO phân nhiệm cho học phần; Tổ hợp điểm năng lực của các CLO theo trọng số % lớn hơn hoặc bằng tích giữa điểm năng lực và trọng số % của PLO phân nhiệm cho học phần

- Nếu muốn thêm hàng trong 1 học phần để thêm CDR thì để con trỏ vào một hàng màu trắng trong học phần và insert hàng. Nếu cần xoá bớt hàng để xoá bớt CDR thì xoá một hàng màu trắng để công thức tính % và điểm năng lực trung bình không thay đổi

SƠ ĐỒ CẤU TRÚC VÀ TÌNH TỰ CÁC HỌC PHẦN CỦA CTĐT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành:



HP thuộc khối kiến thức chung	HP thuộc khối kiến thức CN (hướng UD: chọn 2/4 HP)
HP thuộc khối kiến thức cơ sở ngành (bắt buộc)	Luận văn (định hướng nghiên cứu)
HP thuộc khối kiến thức cơ sở ngành (tự chọn: 4/8 HP)	Thực tập & Đồ án TN (định hướng ứng dụng)
HP thuộc khối kiến thức chuyên ngành (bắt buộc)	Môn học trước
HP thuộc khối kiến thức chuyên ngành (hướng NC chọn 2/4 HP)	

CẤU TRÚC BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CẤU TRÚC	YÊU CẦU NỘI DUNG TRÌNH BÀY
MỤC LỤC	
PHẦN 1. GIỚI THIỆU	
1.1. Trường Đại học Vinh	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tóm tắt quá trình phát triển. - Nêu Tầm nhìn và đưa ra phân tích ngắn các từ khóa của Tầm nhìn. - Nêu Sứ mạng và đưa ra phân tích ngắn các từ khóa của Sứ mạng. - Nêu Giá trị cốt lõi và đưa ra phân tích ngắn các từ khóa của Giá trị cốt lõi. - Nêu Triết lý giáo dục và đưa ra phân tích ngắn các từ khóa của Triết lý giáo dục. - Mô tả ngắn gọn Chiến lược phát triển của Nhà trường.
1.2. Giới thiệu về đơn vị đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tóm tắt quá trình phát triển. - Nêu Tầm nhìn, Sứ mạng và Triết lý giáo dục để góp phần thực hiện Tầm nhìn, Sứ mạng, Triết lý giáo dục của Nhà trường. - Nêu ngắn gọn chiến lược phát triển của đơn vị, thực hiện phân tích SWOT về thực trạng và triển vọng phát triển của đơn vị.
1.2. Giới thiệu về ngành đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tổng quan về ngành, đặc điểm đặc trưng, vị trí, vai trò của ngành trong cơ cấu ngành nghề của đơn vị, của Nhà trường và của địa phương, khu vực. - Thông tin liên hệ của ngành (địa chỉ, điện thoại, email, Facebook page, người liên lạc, map...)
PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	
2.1 Thông tin chung	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tin chung về CTĐT (CTĐT cấp bằng cử nhân hay kỹ sư; tên gọi của văn bằng; tên CTĐT; thời gian thiết kế chuẩn để hoàn thành; CTĐT chuẩn hay chất lượng cao, chương trình tiên tiến...). - Đặc điểm nổi bật của CTĐT là gì? Tại sao thí sinh nên chọn CTĐT này ở Trường Đại học Vinh...? - Thông tin chi tiết về các chứng nhận kiểm định được cấp bởi các tổ chức nghề nghiệp hay cơ quan có thẩm quyền.
2.2. Mục tiêu CTĐT	Mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể.
2.3. Chuẩn đầu ra CTĐT	Chuẩn đầu ra cấp độ 2 theo đề cương CDIO
2.4. Vị trí, cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả chi tiết vị trí việc làm mà người học sau tốt nghiệp có thể làm việc - Trình bày các số liệu chứng tỏ cơ hội việc làm sau tốt

	<ul style="list-style-type: none"> nghiệp của người học.
2.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chí tuyển sinh hay các yêu cầu đầu vào của CTĐT. - Phương thức tuyển sinh. - Điều kiện tốt nghiệp: điểm tổng kết và CĐR.
2.6. Các dịch vụ hỗ trợ người học	<ul style="list-style-type: none"> - Chính sách cho người học. - Hoạt động tư vấn, hỗ trợ, giám sát tiến độ học tập cho người học - Hoạt động hỗ trợ khác
PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC	
3.1. Tổng quan về CTDH	Mô tả cấu trúc tổng quát của CTDH thể hiện đáp ứng CĐR theo các nhóm học phần; sự cân đối giữa nhóm các học phần đáp ứng CĐR cấp trường, CĐR nhóm ngành và CĐR của ngành. Mô tả vai trò của các học phần tự chọn trong CTDH.
3.2. Chuẩn đầu ra CTĐT	Chuẩn đầu ra cấp độ 3 theo đề cương CDIO
3.3. Khung CTDH	Lập bảng khung CTDH theo các học phần (phân kỳ, số tiết lý thuyết, thực hành, bài tập, đồ án, các học phần tự chọn, chuyên ngành...).
3.4. Bảng phân nhiệm CĐR CTĐT cho các CĐR các học phần	Trình bày bảng phân nhiệm PLO/CLO
3.5. Cấu trúc và trình tự dạy học các học phần	Trình bày sơ đồ trình tự dạy học các học phần thể hiện được HP tiên quyết, HP học trước, HP song song và các khối kiến thức, kỳ học.v.v..
3.6. Phương pháp giảng dạy và học tập	<ul style="list-style-type: none"> - Cụ thể hóa hình thức dạy học chủ đạo của Nhà trường cho ngành: CFB/CFO, dạy học dự án. - Các hoạt động học tập chủ động. - Các cơ sở thực tập, thực tế. - Các định hướng đồ án, đề tài nghiên cứu.
3.7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá mức độ đạt được CĐR. - Các loại hình đánh giá tương ứng với CĐR. - Đánh giá trực tiếp, đánh giá gián tiếp.
3.8. Mô tả tóm tắt các học phần	Danh sách mô tả tóm tắt các học phần bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Tên/mã/loại học phần. - Mô tả học phần. - Chuẩn đầu ra học phần.
PHẦN 4. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NHÂN VIÊN HỖ TRỢ	
	Mô tả tóm tắt nguồn lực giảng viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện CTĐT.
PHẦN 5. CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ TRANG THIẾT BỊ	

	Mô tả tóm tắt về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập cho người học của ngành đào tạo.
PHẦN 6. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	
	Các quy định hiện hành và các yêu cầu riêng cần chú ý đối với các đối tượng thực hiện chương trình.
PHỤ LỤC (nếu có)	

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

1. Thông tin chung**1.1. Thông tin về giảng viên**

Giảng viên 1: PGS.TS.....

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại: , email:.....@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:.....

Giảng viên 2: TS.....

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại: , email:.....@vinhuni.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:

1.2. Thông tin về học phần

- Tên học phần:(Tên tiếng Anh)	
- Mã số học phần:	
- Thuộc CTĐT trình độ đại học (các) ngành:	
- Thuộc khối học phần: <input type="checkbox"/> Học phần đại cương chung và nhóm ngành <input checked="" type="checkbox"/> Học phần cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Học phần chuyên ngành	
- Thuộc loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn
- Phương pháp dạy học: <input checked="" type="checkbox"/> Dạy học dự án	<input type="checkbox"/> Phương pháp dạy học khác
- Số tín chỉ: - Phân tiết: + Số tiết tự học trên LMS trước khi đến lớp (LMS ₁): + Số tiết học lý thuyết trực tiếp trên lớp bao gồm bài tập, thảo luận (LT): + Số tiết học ở phòng thí nghiệm hoặc địa điểm thực hành trong trường (TH): + Số tiết học triển khai tại các cơ sở thực hành, thực tập ngoài trường (NT): + Số tiết tự học, luyện tập ở nhà sau thời gian lên lớp (LMS ₂):	
- Điều kiện đăng ký học: + Học phần tiên quyết: {Tên học phần (Mã học phần)} + Học phần học trước: {Tên học phần (Mã học phần)}	
- Điều kiện được thi cuối kỳ: + Thời gian tối thiểu người học phải có mặt trên lớp: 80%; + Người học phải hoàn thành các nhiệm vụ học tập trên hệ thống LMS; + Người học phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên.	
- Đơn vị phụ trách học phần:	

2. Mô tả học phần

Hướng dẫn xây dựng: Phần này mô tả ngắn gọn về vai trò, vị trí của học phần trong CTĐT, đối với ngành đào tạo.

Học phần này được phân nhiệm đáp ứng các chuẩn đầu ra CTĐT sau (theo QĐ số... ngày... tháng... năm... của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh):

PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)	Điểm năng lực trung bình tối thiểu {Mức năng lực}
1.1.2	{Trình bày PLO1.1.2}	2,5 {Mức 3}
2.1.1	{Trình bày PLO2.1.1}	2,5 {Mức 3}
3.2.1	{Trình bày PLO3.2.1}	3,5 {Mức 4}

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được:

CLO	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đóng góp cho PLO	Trọng số của CTĐT	Điểm năng lực cần đạt
1.1.2.1	{Trình bày CLO1.1.2.1}	1.1.2	5%	1,5 {Mức 2}
1.1.2.2	{Trình bày CLO1.1.2.2}		5%	2,5 {Mức 3}
1.1.2.3	{Trình bày CLO1.1.2.3}		5%	3,5 {Mức 4}
2.1.1.1	{Trình bày CLO2.1.1}	2.1.1	10%	2,5 {Mức 3}
3.1.1.1	{Trình bày CLO3.1.1}	3.2.1	15%	2,5 {Mức 4}

4. Kiểm tra, đánh giá

4.1. Các bài đánh giá

Bài đánh giá (Trọng số)	CLO và sử dụng kết quả bài đánh giá	Điểm năng lực cần đạt	Trọng số điểm cho bài đánh giá	Hình thức đánh giá
A1. Đánh giá thường xuyên (chiếm 50% điểm số học phần)				
A1.1 (p%)	CLO 1.1.2.1 {điểm số và điểm năng lực}	1,5	100%	Trắc nghiệm
A1.2 (q%)	CLO 1.1.2.2 {điểm số}	1,5	20%	Bài tập nhóm
	CLO 2.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	40%	
	CLO 3.1.1.1 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	40%	
A2. Đánh giá cuối kỳ (chiếm 50% điểm số học phần)				
A 2.1 (100%)	CLO 1.1.2.2 {điểm số và điểm năng lực}	2,5	40%	Tự luận
	CLO 1.1.2.3 {điểm số và điểm năng lực}	3,5	60%	

Công thức tính điểm số đánh giá thường xuyên:

$$A1 = A1.1 * p\% + A.12*q\%$$

Công thức tính điểm số cuối kỳ:

$$A2 = A2.1 * 100\%$$

Công thức tính điểm số của học phần:

$$\text{Điểm số HP} = A1 * 50\% + A2 * 50\%$$

4.2. Ma trận bài thi trắc nghiệm khách quan

Hướng dẫn xây dựng: Theo hướng dẫn của Bộ chuẩn BĐCL (Trang 196-198).

4.3. Ma trận bài thi tự luận

Hướng dẫn xây dựng: Theo hướng dẫn của Bộ chuẩn BĐCL (Trang 198-199).

4.4. Phiếu đánh giá các chuẩn đầu ra về kỹ năng, thái độ

Hướng dẫn xây dựng: Theo hướng dẫn của Bộ chuẩn BĐCL (Trang 200-202).

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình:

[1] Tên tác giả (năm xuất bản), *tên giáo trình*, tên nhà xuất bản, tên nơi xuất bản.

[2] Tên tác giả (năm xuất bản), *tên giáo trình*, tên nhà xuất bản, tên nơi xuất bản.

5.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Tên tác giả (năm xuất bản), *tên giáo trình*, tên nhà xuất bản, tên nơi xuất bản.

[4] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản), tên phần mềm.

6. Kế hoạch dạy học

TT	Chương/Chủ đề/Bài	Thời lượng (tiết)	Hoạt động dạy học	CLO	Bài đánh giá
1	Chương/Chủ đề/Bài 1: {ghi tiêu đề của Chương/Chủ đề/Bài 1}				
	Giai đoạn 1 {trước khi đến lớp}:	5	Học bài giảng e-learning (LMS) về...	CLO.2.1.1.1	A1.1
		3	Làm bài tập trên LMS: Bài...;
		5	Chuẩn bị nội dung cho GD 2:...;	CLO.2.2.1.1	A1.2
		2	Thảo luận về
	Giai đoạn 2 {Ở lớp}:	5	Nghiên cứu lý thuyết về ...;	CLO.2.2.1.1	A1.2
		5	Thực hành/thực tế ... (nếu có)
		3	Bài tập
		2	Thảo luận nhóm về...	CLO.2.2.1.1	A1.2
	Giai đoạn 3	1	Ôn tập...	CLO.2.2.1.1	A1.2
		2	Làm bài tập/thực hành ... (nếu có)	...	

	{ <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }:	2	Bài thi/kiểm tra ... (<i>nếu có</i>)	...	
		3	Tiểu luận/tiểu dự án... (<i>nếu có</i>)		
2	Chương/chủ đề/Bài 2: {ghi tiêu đề của Chương/chủ đề/Bài 2}				

n	Chương/Chủ đề/Bài n: {ghi tiêu đề của Chương/chủ đề/Bài n –kiểm tra giữa kỳ}				
	Giai đoạn 1 { <i>trước khi đến lớp</i> }:	5	Học bài giảng e-learning (LMS) về...	A1.1
		3	Làm bài tập trên LMS: Bài...;
		5	Chuẩn bị nội dung cho GD 2:....;	A1.2
		2	Thảo luận về
	Giai đoạn 2 { <i>Ở lớp</i> }:	5	Nghiên cứu lý thuyết về ...;	A1.2
		5	Thực hành/thực tế ... (<i>nếu có</i>)
		3	Bài tập
		2	Thảo luận nhóm về...	A1.2
	Giai đoạn 3 { <i>Củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng</i> }:	1	Ôn tập...	A1.2
		2	Làm bài tập/thực hành ... (<i>nếu có</i>)	...	
2		Bài kiểm tra giữa kỳ	...	A1.3	
...
	Bài thi kết thúc HP		Tự luận theo ma trận bài A2.1		A2.1
	Lấy ý kiến phản hồi		Ngay sau khi kết thúc bài thi A2.1	Đăng ký để xem kết quả thi	

Nghệ An, ngày.....tháng.....năm 2024

Trưởng đơn vị cấp 2

Trưởng đơn vị cấp 3

Giảng viên phụ trách

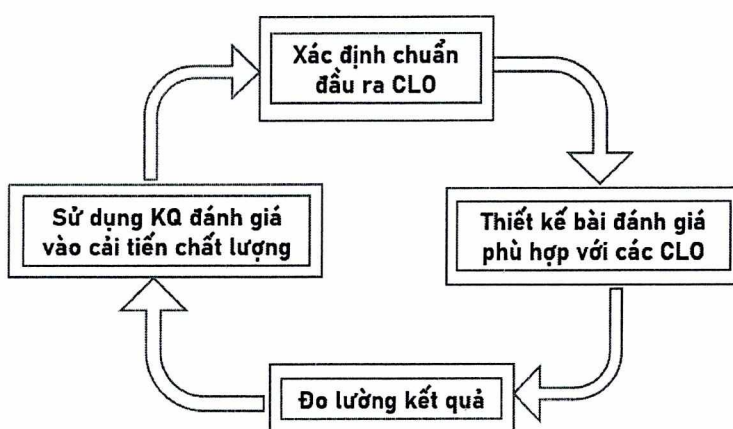
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
 ĐƠN VỊ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HƯỚNG DẪN

Xây dựng bộ công cụ đánh giá người học theo chuẩn đầu ra

- Quy trình đánh giá người học theo chuẩn đầu ra bao gồm 4 bước trong hình vẽ sau:



- Để thực hiện rà soát, bổ sung và xây dựng công cụ đánh giá theo chuẩn đầu ra cần thực hiện các bước sau:

Bước 1. Căn cứ vào các chuẩn đầu ra được phân nhiệm, thực hiện phân nhiệm chuẩn đầu ra cho các bài đánh giá, bao gồm:

- +) Xác định chủ đề chuẩn đầu ra, mức năng lực cần đạt, các mức năng lực của chuẩn đầu ra được đánh giá với các trọng số % tương ứng;
- +) Xác định trọng số % đóng góp của từng chuẩn đầu ra trong bài đánh giá.

Bước 2. Xây dựng cấu trúc đề thi theo *Phụ lục 1* đối với hình thức thi tự luận, vấn đáp; theo *Phụ lục 5* đối với hình thức thi trắc nghiệm khách quan.

Bước 3. Thực hiện xây dựng ngân hàng câu hỏi theo hướng dẫn tại các *Phụ lục 2*, *Phụ lục 6*, trong đó:

- +) Đối với hình thức thi tự luận, vấn đáp, có thể dùng động từ Bloom hoặc cụm từ mô tả tương ứng với mức năng lực cần đạt của chuẩn đầu ra để mô tả yêu cầu của câu hỏi; cấu trúc các phần nội dung đánh giá các mức năng lực khác nhau (mức năng lực cần đạt và mức thấp hơn) được thể hiện trên đáp án, thang điểm. Tuy nhiên, giảng viên có thể tách các câu hỏi khác nhau để đánh giá các mức năng lực khác nhau của một chuẩn đầu ra.

+) Đối với ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm khách quan thì mỗi câu hỏi được sử dụng để đánh giá một mức năng lực cụ thể của chuẩn đầu ra.

+) Đối với ngân hàng câu hỏi thi tự luận và trắc nghiệm, mỗi câu hỏi gắn với mã câu hỏi gồm phần chữ và số chứa đựng thông tin về học phần, chuẩn đầu ra và mức năng lực của chuẩn đầu ra. Mã câu hỏi được ký hiệu như sau:

ABC123456_1234_2

trong đó:

ABC123456: là mã học phần.

1234: là chỉ số chuẩn đầu ra học phần được phân nhiệm để đánh giá.

2: là mức năng lực của chuẩn đầu ra.

Ví dụ:

- Một câu hỏi thi tự luận của học phần triết học mã số học phần là PHP710001, đánh giá chuẩn đầu ra CLO1.1.2.1 với mức năng lực cần đạt là Mức 3. Khi đó mã câu hỏi là: PHP710001_1121_3.

- Một câu hỏi thi tự luận của học phần triết học mã số học phần là PHP710001, đánh giá Mức 2 của chuẩn đầu ra CLO1.1.2.1. Khi đó mã câu hỏi là: PHP710001_1121_2.

- Một câu hỏi thi trắc nghiệm của học phần triết học mã số học phần là PHP710001, đánh giá Mức 2 của chuẩn đầu ra CLO1.1.2.1 Khi đó mã câu hỏi là: PHP710001_1121_2.

Bước 4. Xây dựng hướng dẫn tổ hợp đề thi theo theo *Phụ lục 3* đối với hình thức thi tự luận, vấn đáp; theo *Phụ lục 7* đối với hình thức thi trắc nghiệm khách quan.

Bước 5. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu, lập biên bản nghiệm thu theo *Phụ lục 9* (Có các nhận xét của thành viên hội đồng nghiệm thu kèm theo).

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
ĐƠN VỊ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CẤU TRÚC ĐỀ THI TỰ LUẬN/VẤN ĐÁP THEO CHUẨN ĐẦU RA

1. Tên học phần:
2. Mã học phần:
3. Số tín chỉ:
4. Hình thức thi: Tự luận/Vấn đáp
5. Thời gian làm bài: ...phút
6. Cấu trúc đề theo chuẩn đầu ra

CLO		Loại câu hỏi	Điểm số theo MNL	Số điểm cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.1 (trọng số ...%)	Mức 1	Câu...điểm	Trình bày được ...
	Mức 2		Phân loại được...
	Mức 3	Câu...điểm	2	1	Vận dụng được...
1.2.1.2 (trọng số ...%)	Mức 1	Câu... điểm	Nhận biết được...
	Mức 2	Câu... điểm	1,2		So sánh được ...
	Mức 3		3	1,5	Xây dựng được...
1.2.2.1 (trọng số ...%)	Mức 2	Câu...điểm	Trình bày được ...
	Mức 3		2	1	Vận dụng được...
...
Tổng			10	...	

Ghi chú:

- Thời gian làm bài thi tự luận, vấn đáp áp dụng theo điểm a, điểm d, khoản 3, Điều 13, Quy định về đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo trình độ đại học hệ chính quy và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 3662/QĐ-ĐHV ngày 29/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh;

- Phần nội dung đánh giá mức năng lực cần đạt của CLO chiếm tối thiểu 60% phần nội dung đánh giá CLO đó.

Phụ lục 2. Mẫu ngân hàng câu hỏi thi tự luận/vấn đáp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
ĐƠN VỊ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI TỰ LUẬN/VẤN ĐÁP

1. Tên học phần:
2. Mã học phần:
3. Số tín chỉ:
4. Hình thức thi: Tự luận/Vấn đáp
5. Thời gian làm bài: ...phút
6. Ngân hàng câu hỏi thi

Phần A: Loại câu ...điểm

Câu hỏi... [Mã câu hỏi] {Nội dung câu hỏi}
Câu 1. [ABC123456_1234_2]
Câu 2. [ABC123456_1234_2]
...
Câu m. [ABC123456_1234_2]
...

Phần B: Loại câu ...điểm

Câu hỏi... [Mã câu hỏi] {Nội dung câu hỏi}
Câu 1. [ABC123456_1234_2]
Câu 2. [ABC123456_1234_2]
...
Câu n. [ABC123456_1234_2]
...

Phần C: Loại câu ...điểm

Câu hỏi... [Mã câu hỏi] {Nội dung câu hỏi}
Câu 1. [ABC123456_1234_2]
Câu 2. [ABC123456_1234_2]
...
Câu k. [ABC123456_1234_2]
...

Nghệ An, ngày tháng năm 202...

TRƯỞNG KHOA/BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

- Ghi chú:** - Số câu hỏi mỗi loại tối thiểu gấp 5 lần số câu hỏi loại đó trong đề thi.
- Ghi rõ thí sinh **được/ không** được sử dụng tài liệu trong quá trình làm bài thi.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
ĐƠN VỊ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HƯỚNG DẪN TỔ HỢP ĐỀ THI TỰ LUẬN/VẤN ĐÁP

1. Tên học phần:.....
2. Mã học phần:
3. Số tín chỉ:
4. Hình thức thi: Tự luận/Vấn đáp
5. Thời gian làm bài: ...phút
6. Hướng dẫn tổ hợp đề thi

Phương án 1:

Câu 1 (... điểm): Tổ hợp ngẫu nhiên 1 câu trong ... câu (từ câu....đến câu ...) của Phần ...

Câu 2 (... điểm): Tổ hợp ngẫu nhiên 1 câu trong ... câu (từ câu....đến câu ...) của Phần ...

...

Câu n (... điểm): Tổ hợp ngẫu nhiên 1 câu trong ... câu (từ câu....đến câu ...) của Phần ...

Phương án 2:

Câu 1 (... điểm): Tổ hợp ngẫu nhiên 1 câu trong ... câu (từ câu....đến câu ...) của Phần ...

Câu 2 (... điểm): Tổ hợp ngẫu nhiên 1 câu trong ... câu (từ câu....đến câu ...) của Phần ...

...

Câu n (... điểm): Tổ hợp ngẫu nhiên 1 câu trong ... câu (từ câu....đến câu ...) của Phần ...

...

Ghi chú:

- Mỗi một câu được tổ hợp ngẫu nhiên trong 1 nhóm các câu của ngân hàng câu hỏi thi;
- Xây dựng đề thi sao cho mỗi chuẩn đầu ra được đánh giá bởi một nhóm các câu hỏi liên tiếp để thuận tiện cho việc xây dựng đáp án và chấm thi;
- Tổng số điểm các câu hỏi trong 1 đề thi phải bằng 10;
- Đề thi cần được tổ hợp sao cho các câu hỏi không trùng với đợt thi, ca thi của 02 lần liền kề trước đó;

Phụ lục 4. Mẫu đáp án thi tự luận/vấn đáp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
 ĐƠN VỊ:

ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
 Học phần:.....
 Hệ đào tạo:.....
 Ngày thi:.....

Thời gian làm bài: ... phút

Câu	Ý	Nội dung trả lời	CLO	MNL	Điểm	
Câu 1 (.. điểm)	1.1		1.2.1.1	1	0,25	
	1.2			2	0,5	
	1.3			3	0,5	
	
Câu 2 (.. điểm)	2.1			1.2.1.1	1	0,25
	2.2				2	0,5
	2.3				3	1,0

Câu 3 (.. điểm)	3.1		1.2.1.2	1	0,25	
	3.2			2	0,5	
	3.3			3	0,5	
	
Câu 4 (.. điểm)	4.1			1.2.1.2	1	0,5
	4.2				2	0,5
	4.3				3	0,5
	4.4				3	1,0
	
Câu 5 (.. điểm)	5.1		1.2.2.1	2	0,25	
	5.2			2	0,5	
	5.3			3	1,0	
	
Câu 6 (.. điểm)	6.1			1.2.2.1	2	0,25
	6.2				3	1,0
	6.3				3	1,0

...	
TỔNG ĐIỂM					10	

Ghi chú: Phân bố điểm của đáp án đề thi phải phù hợp với phân bố điểm của đề thi và phân bố điểm đánh giá mức năng lực của chuẩn đầu ra trong cấu trúc đề thi;

Nghệ An, ngày ... tháng ... năm 202...

Phê duyệt của khoa/bộ môn
 (Ký, ghi rõ họ và tên)

Người lập đáp án
 (Ký, ghi rõ họ và tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
 ĐƠN VỊ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CẤU TRÚC ĐỀ THI TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN THEO CHUẨN ĐẦU RA

1. Tên học phần:
2. Mã học phần:
3. Số tín chỉ:
4. Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan
5. Thời gian làm bài:phút
6. Cấu trúc đề theo chuẩn đầu ra

CLO		Số câu trong đề thi ĐG CLO	Số câu hỏi trong đề thi ĐG mỗi MNL của CLO	Số câu hỏi cần đạt (50%)	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.1 (trọng số ...%)	Mức 1	20	4		Trình bày được ...
	Mức 2		4		Phân loại được....
	Mức 3		12	6	Vận dụng được...
1.2.1.2 (trọng số ...%)	Mức 1	20	2		Nhận biết được...
	Mức 2		6		So sánh được ...
	Mức 3		12	6	Xây dựng được...
1.2.2.1 (trọng số ...%)	Mức 2	10	4		Trình bày được ...
	Mức 3		6	3	Vận dụng được...
....
Tổng		60	60	...	

Ghi chú: - Số câu hỏi của đề thi, thời gian làm bài thi trắc nghiệm khách quan áp dụng theo điểm b, khoản 3, Điều 13, Quy định về đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo trình độ đại học hệ chính quy và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 3662/QĐ-ĐHV ngày 29/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh;

- Số câu hỏi đánh giá một CLO bằng số câu hỏi của đề thi nhân với trọng số % của CLO trong bài đánh giá, được làm tròn lên hoặc tròn xuống sao cho tổng các số câu hỏi đánh giá các CLO bằng số câu hỏi của đề thi;

- Số câu hỏi đánh giá một mức năng lực của CLO bằng số câu hỏi đánh giá CLO nhân với trọng số % ứng với mức năng lực đó, được làm tròn lên hoặc xuống sao cho tổng số câu hỏi đánh giá các mức năng lực của CLO bằng số câu hỏi đánh giá CLO đó. Đồng thời, tỷ số giữa số câu hỏi đánh giá mức năng lực cần đạt của CLO và số câu hỏi đánh giá CLO lớn hơn hoặc bằng 60%.

NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN

1. Tên học phần:.....
2. Mã học phần:
3. Số tín chỉ:.....
4. Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan
5. Thời gian làm bài: ...phút
6. Đặc tả ngân hàng câu hỏi thi

CLO		Tổng số câu trong NHCH đánh giá CLO	Tổng số câu trong NHCH đánh giá MNL của CLO	Mô tả yêu cầu cơ bản
1.2.1.1 (trọng số ...%)	Mức 1	120	24	Trình bày được ...
	Mức 2		24	Phân loại được....
	Mức 3		72	Vận dụng được...
1.2.1.2 (trọng số ...%)	Mức 1	120	12	Nhận biết được...
	Mức 2		36	So sánh được ...
	Mức 3		72	Xây dựng được...
1.2.2.1 (trọng số ...%)	Mức 2	100	40	Trình bày được ...
	Mức 3		60	Vận dụng được...
....
Tổng		400	400	

7. Trình bày các câu hỏi thi trong ngân hàng câu hỏi thi

Nhóm các câu hỏi đánh giá CLO1.2.3.4(Nhớ) {Tổng số 24 câu: từ Câu 1 đến Câu 24}

Câu 1.[ABC123456_1234_1]
 a..... b. c..... d.....

Câu 2.[ABC123456_1234_1]
 a..... b. c..... d.....

...

Câu 24.[ABC123456_1234_1]
 a..... b. c..... d.....

Nhóm các câu hỏi đánh giá CLO1.2.3.4 (Hiểu) {Tổng số 24 câu: từ Câu 25 đến Câu 48}

Câu 25. [ABC123456_1234_2].....
a..... b. c..... d.....

Câu 26. [ABC123456_1234_2].....
a..... b. c..... d.....

...

Câu 48.[ABC123456_1234_2]
a..... b. c..... d.....

Nhóm các câu hỏi đánh giá CLO1.2.3.4 (Vận dụng) {Tổng số 72 câu: từ Câu 49 đến Câu 120}

Câu 49.[ABC123456_1234_3]
a..... b. c..... d.....

Câu 50.[ABC123456_1234_3]
a..... b. c..... d.....

...

Câu 120.[ABC123456_1234_3]
a..... b. c..... d.....

...

Ghi chú: - Số lượng câu hỏi đánh giá một mức năng lực của CLO gấp tối thiểu 6 lần so với số câu hỏi có trong đề thi đánh giá mức năng lực đó.

- Đáp án đúng của mỗi câu hỏi là đáp án **a** (Được Highlight màu vàng và in đậm)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
 ĐƠN VỊ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HƯỚNG DẪN TỔ HỢP ĐỀ THI TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN

1. Tên học phần:
2. Mã học phần:
3. Số tín chỉ:
4. Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan
5. Thời gian làm bài: ... phút
6. Hướng dẫn tổ hợp đề thi

CLO		Tổng số câu trong NHCH đánh giá CLO	Tổng số câu trong NHCH đánh giá MNL của CLO	Số câu chọn vào đề thi	Nhóm câu hỏi lựa chọn	Ghi chú
1.2.1.1 (...%)	Mức 1	120	24	2	Từ câu câu ... đến câu...	
				1	Từ câu câu ... đến câu...	
				1	Từ câu câu ... đến câu...	
	Mức 2		24	1	Từ câu câu ... đến câu...	
				2	Từ câu câu ... đến câu...	
				1	Từ câu câu ... đến câu...	
	Mức 3		72	3	Từ câu câu ... đến câu...	
				2	Từ câu câu ... đến câu...	
				2	Từ câu câu ... đến câu...	
	5	Từ câu câu ... đến câu...				
1.2.1.2 (...%)	Mức 1	120	12	2	Từ câu câu ... đến câu...	
	Mức 2		36	1	Từ câu câu ... đến câu...	
				3	Từ câu câu ... đến câu...	
	Mức 3		72	2	Từ câu câu ... đến câu...	
				3	Từ câu câu ... đến câu...	
	2		Từ câu câu ... đến câu...			
6	Từ câu câu ... đến câu...					
1.2.2.1 (...%)	Mức 2	100	40	2	Từ câu câu ... đến câu...	
	2			Từ câu câu ... đến câu...		
	Mức 3		60	3	Từ câu câu ... đến câu...	
				2	Từ câu câu ... đến câu...	
				1	Từ câu câu ... đến câu...	
....	
Tổng		400	400	60		

Phụ lục 7. Mẫu hướng dẫn tổ hợp đề thi trắc nghiệm khách quan

Ghi chú:

- Số câu hỏi được chọn vào đề thi ứng với mỗi mức năng lực của CLO bằng số câu hỏi đánh giá mức năng lực của CLO đó trong cấu trúc đề thi;
- Các câu hỏi đánh giá mỗi mức năng lực của một CLO được tổ hợp ngẫu nhiên trong các câu hỏi của ngân hàng đánh giá mức năng lực của CLO đó.

Phụ lục 8. Biên bản nghiệm thu sản phẩm kiểm tra đánh giá

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
ĐƠN VỊ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày tháng năm 202...

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU SẢN PHẨM KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ
HỌC PHẦN:.....**

Căn cứ Quy định về đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo trình độ đại học hệ chính quy và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 3662/QĐ-ĐHV ngày 29/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Công văn số .../ĐHV-ĐBCL ngày .../.../202... của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung ngân hàng câu hỏi đánh giá học phần đào tạo trình độ đại học hệ chính quy.

Khoa/Bộ môn: thuộc Đơn vị.....
tổ chức nghiệm thu các sản phẩm kiểm tra đánh giá của học phần:.....

Dùng cho khóa/ngành: Hình thức thi:

Các sản phẩm kiểm tra đánh giá của học phần được nghiệm thu như sau:

TT	Sản phẩm	Số lượng	Kết quả nghiệm thu
1	Cấu trúc đề thi theo chuẩn đầu ra		
2	Ngân hàng câu hỏi thi	- Câu hỏi loại ... điểm đánh giá CLO... ¹	
		- Số câu hỏi đánh giá Mức ... của CLO... ²	
		- Câu hỏi loại ... điểm đánh giá CLO... ¹	
	- Số câu hỏi đánh giá Mức ... của CLO... ²		
	Tổng		
3	Hướng dẫn tổ hợp đề thi		
4	Bộ tiêu chí đánh giá		

Các sản phẩm đã được thảo luận, thống nhất và nghiệm thu trong thời gian từh đến h ngày tháng năm 202.... (đã có các bản nhận xét của các thành viên hội đồng lưu tại Khoa/ Bộ môn).

Biên bản này được lập thành 3 bản: 1 bản lưu ở Khoa/Bộ môn, 1 bản nộp Trung tâm Đảm bảo Chất lượng, 1 bản nộp Phòng Kế hoạch - Tài chính.

XÁC NHẬN CỦA TT ĐBCL

CHỦ TỊCH HĐQT

THƯ KÝ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

(Ký, ghi rõ họ và tên)

CÁC THÀNH VIÊN KHÁC

(Ký, ghi rõ họ tên, nhiệm vụ)

¹ Dùng đối với Bộ đề thi Tự luận/Vấn đáp

² Dùng đối với bộ đề thi trắc nghiệm khách quan